

Bản án số: 5351/2024/KDTM-ST

Ngày: 28/11/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát Viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-KDTM ngày 19/4/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8623/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9131/2024/QĐST-KDTM ngày 01/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (Có mặt)

Trụ sở: Số D H, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật T và bà Phạm Hoàng A (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2024)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (Vắng mặt)

Trụ sở: 25 Đường số G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Đại Phương Đ

Địa chỉ: Số B G, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Hoàng A trình bày:

Ngày 25/11/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (gọi tắt: Công ty T1) ký với Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (gọi tắt: Công ty K) bản Thỏa thuận Hợp đồng số 2021-D-L-0911. Theo nội dung hợp đồng, Công ty K đồng ý giao cho Công ty T1 thi công kết cấu thép nhà văn phòng, điều hành thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Cảng C, P tại Khu công nghiệp C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 2,653,200,000 đồng. Công ty K thanh toán tạm ứng cho Công ty T1 số tiền 482,400,000 đồng, tương ứng với 20% giá trị hợp đồng. Trong thời gian thi công, Công ty K sẽ thanh toán cho Công ty T1 theo tiến độ công việc sau khi khấu trừ giá trị tạm ứng theo tỷ lệ 25% cho từng đợt thanh toán. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu, Công ty K sẽ thanh toán đến 100% giá trị quyết toán.

Căn cứ Biên bản nghiệm thu, quyết toán hợp đồng, tổng giá trị khi nghiệm thu là 2,813,580,000 đồng. Theo thỏa thuận, trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi Công ty K nghiệm thu công trình và nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ từ phía Công ty T1, Công ty K có nghĩa vụ thanh toán đến 100% giá trị quyết toán. Tuy nhiên, sau khi nguyên đơn đã thực hiện theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng, Công ty K chỉ mới thanh toán cho Công ty T1 số tiền là 482,400,000 đồng.

Ngày 13/10/2022, hai bên đã có buổi làm việc nhằm xác nhận lại công nợ, ông Hứa Đại Phương Đ, giám đốc Công ty K xác nhận còn nợ Công ty T1 2,331,180,000 đồng, chưa bao gồm phần lãi chậm trả và cam kết sẽ thanh toán chậm nhất là đến ngày 10/12/2022. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán công nợ còn lại nhưng phía Công ty K liên tục lấy lý do và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 08/8/2023, hai bên công ty tiến hành cuộc họp với mục đích xác nhận kế hoạch trả nợ của Công ty K, công nợ chót đến ngày 08/8/2023 là 2,771,00,000 đồng, cụ thể nợ gốc: 2,331,180,000 đồng, nợ lãi: 440,010,225 đồng.

Mặc dù đã thiện chí hợp tác, thảo luận nhằm tìm ra cách giải quyết tốt nhất cho đôi bên nhưng cho đến nay, Công ty T1 vẫn chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ Công ty K. Hành vi vi phạm cam kết của Công ty K đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

+ Buộc Công ty K phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 2,771,190,225 đồng theo biên bản cuộc họp ngày 08/8/2023 đã được ký xác nhận giữa hai bên.

+ Buộc Công ty K phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 09/8/2023 trên số dư nợ gốc 2,331,180,000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận là 1.25%/tháng. Tạm tính từ ngày 09/8/2023 cho đến ngày 24/02/2024 thì số tiền lãi phát sinh là 189,408,375 đồng.

Tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tạm tính đến ngày 24/02/2024 là 2,960,598,600 đồng, bao gồm nợ gốc: 2,331,180,000 đồng, nợ lãi là: 629,418,600 đồng.

* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai của công ty được.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đó là buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/11/2024 là 3,226,741,650 đồng, trong đó nợ gốc 2,331,180,000 đồng, nợ lãi 895,561,650 đồng. Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất 1.25%/tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm về thời hạn xét xử, Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty K phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là 3,226,741,650 đồng, trong đó nợ gốc 2,331,180,000 đồng, nợ lãi 895,561,650 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/11/2024 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất 1.25%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng thi công, phát sinh giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ: B Đường số G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty K đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp, có cơ sở để khẳng định giữa Công ty T1 và Công ty K có ký kết và thực hiện hợp đồng số 2021-D-L-0911 ngày 25/11/2021 về việc cung cấp và gia công kết cấu thép nhà văn phòng, điều hành, hải quan, cảng cạn P.

Thực hiện hợp đồng, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng vào ngày 26/7/2022. Ngày 13/10/2022, hai bên ký biên bản xác nhận công nợ. Nội dung biên bản thể hiện: Giá trị quyết toán của hợp đồng là 2,813,580,000 đồng, bị đơn đã thanh toán 482,400,000 đồng, còn nợ 2,331,180,000 đồng. Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thành 02 đợt, đợt 1 với số tiền 980,265,000 đồng chậm nhất đến ngày 10/11/2022, đợt 2 với số tiền 1,350,915,000 đồng chậm nhất đến ngày 10/12/2022.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 08/8/2023, hai bên đã tiến hành cuộc họp và công nợ được chốt đến ngày 08/8/2023 là 2,771,190,225 đồng, trong đó nợ gốc: 2,331,180,000 đồng, nợ lãi: 440,010,225 đồng. Mức lãi suất chậm trả mà các bên thỏa thuận là 1.25%/tháng (theo bảng tính công nợ và lãi suất thanh toán chậm đã được ký kết giữa hai bên). Công ty K đã đưa ra kế hoạch trả nợ như sau: Đợt 1: Ngày 15/8/2023 thanh toán 1,385,500,000 đồng. Đợt 2: Ngày 31/8/2023 thanh toán hết công nợ còn lại là 1,385,560,000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Như vậy, căn cứ theo biên bản chốt công nợ ngày 13/10/2022 và biên bản cuộc họp ngày 08/8/2023, các bên đều thống nhất số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng số 2021-D-L-0911 ngày 25/11/2021 là 2,331,180,000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên

là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 352 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2015, do Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T1 được quyền yêu cầu tính lãi chậm trả. Tại Khoản 1 Điều 12 của hợp đồng số 2021-D-L-0911 ngày 25/11/2021, các bên thỏa thuận: Nếu Công ty K chậm thanh toán theo quy định thì sẽ phải trả lãi cho Công ty T1 theo lãi suất có kỳ hạn nơi Công ty K mở tài khoản tính từ ngày đầu tiên Công ty K chậm thanh toán cho đến khi thanh toán đầy đủ. Tại phiên họp ngày 08/8/2023, các bên thống nhất được mức lãi suất chậm trả là 1.25%/tháng, thống nhất được tiền nợ lãi chậm trả tính đến ngày 08/8/2023 là 440,010,225 đồng. Đây được coi là nội dung thỏa thuận mới giữa hai bên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 08/8/2023 là 440,010,225 đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 09/8/2023 trên số dư nợ gốc 2,331,180,000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất 1.25%/tháng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào số tiền vi phạm và thời gian chậm trả được tính từ ngày 09/8/2023 cho đến ngày xét xử thì số tiền lãi mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 455,551,425 đồng ($2,331,180,000 \text{ đồng} \times 1,25\% \times 15 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 455,551,425 \text{ đồng}$). Tổng số tiền lãi chậm trả mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử là 895,561,650 đồng ($440,010,225 \text{ đồng} + 455,551,425 \text{ đồng} = 895,561,650 \text{ đồng}$).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là 3,226,741,650 đồng, trong đó nợ gốc 2,331,180,000 đồng, nợ lãi 895,561,650 đồng. Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất 1.25%/tháng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty K phải chịu án phí sơ thẩm 96,534,833 đồng.

Công ty T1 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 352 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là 3,226,741,650 đồng, trong đó nợ gốc 2,331,180,000 đồng, nợ lãi 895,561,650 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất 1.25%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 96,534,833 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 45,605,986 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026371 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND tp. Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh

